

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 109/TTr-STP ngày 06 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành Danh mục địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã thuộc Danh mục tại Điều 1, Công chứng viên có đề án thành lập Văn phòng công chứng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân tại địa bàn các xã có tên trong danh mục tại Điều 1 Quyết định này theo quy định. Tiến hành kiểm tra các nội dung đã cam kết trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng trước khi cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng. Trường hợp Văn phòng công chứng không đáp ứng đúng các nội dung tại Đề án thành lập, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã thuộc Danh mục tại Điều 1; các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Hội Công chứng viên tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, NC_{PTTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

Địa bàn cấp xã được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên xã	Loại xã		Số thôn của xã Dân tộc thiểu số và xã Miền núi		Xã thuộc Khu vực
		Xã Dân tộc thiểu số	Xã Miền núi	Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn	
01	Trà Bồng	x	x	15	13	III
02	Tây Trà	x	x	14	13	III
03	Thanh Bồng	x	x	12	08	III
04	Cà Đam	x	x	08	08	III
05	Tây Trà Bồng	x	x	14	14	III
06	Sơn Hạ	x	x	19	19	III
07	Sơn Linh	x	x	18	12	III
08	Sơn Hà	x	x	20	7	III
09	Sơn Thủy	x	x	16	16	III
10	Sơn Kỳ	x	x	16	16	III
11	Sơn Tây	x	x	13	10	III
12	Sơn Tây Thượng	x	x	10	9	III
13	Sơn Tây Hạ	x	x	12	11	III
14	Minh Long	x	x	13	09	III
15	Sơn Mai	x	x	15	08	III
16	Ba Vì	x	x	14	13	III
17	Ba Tô	x	x	14	12	III
18	Ba Dinh	x	x	09	08	III
19	Ba Tơ	x	x	17	10	III
20	Ba Vinh	x	x	13	10	III
21	Ba Động	x	x	10	05	III
22	Đặng Thùy Trâm	x	x	08	08	III
23	Đăk Pxi	x	x	10	06	III
24	Ngọc Ráo	x	x	14	09	III
25	Ngọc Tụ	x	x	11	09	III
26	Kon Đào	x	x	19	12	III
27	Đăk Sao	x	x	22	22	III
28	Đăk Tờ Kan	x	x	16	13	III
29	Tu Mơ Rông	x	x	17	14	III
30	Măng Ri	x	x	31	27	III
31	Xốp	x	x	11	08	III
32	Ngọc Linh	x	x	22	21	III
33	Đăk Plô	x	x	13	09	III
34	Đăk Pék	x	x	20	10	III

35	Đăk Môn	x	x	18	01	III
36	Ya Ly	x	x	14	05	III
37	Ia Toi	x	x	10	05	III
38	Đăk Kôi	x	x	17	14	III
39	Kon Braih	x	x	21	13	III
40	Đăk Rve	x	x	11	08	III
41	Măng Đen	x	x	25	13	III
42	Măng Bút	x	x	26	24	III
43	Kon Plông	x	x	25	18	III
44	Đăk Long	x	x	09	08	III
45	Ba Xa	x	x	07	07	III
46	Rờ Koi	x	x	06	03	III
47	Mô Rai	x	x	10	03	III
48	Ia Đal	x	x	11	01	III
